

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6575 /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật
đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Giấy uỷ quyền số 3898/GUQ-BQP ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y tại Tờ trình số 6517 /TTr-QY ngày 27 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng:

1. Cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu

a) Quân y đơn vị cấp tiểu đoàn độc lập; Quân y cơ quan, đơn vị cấp trung đoàn, sư đoàn và tương đương (trong biểu tổ chức biên chế của cấp có thẩm quyền ban hành; có cơ sở hạ tầng, nhân lực và thiết bị y tế, thuốc, vật tư y tế theo quy định).

b) Tổ Quân y (212 cơ sở).

c) Phòng khám đa khoa của cơ quan, đơn vị (01 cơ sở)

d) Phòng khám Quân dân y (45 cơ sở).

đ) Trạm Y tế Quân dân y (23 cơ sở).

Danh sách cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại Phụ lục I kèm theo.

2. Cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản

- a) Bệnh viện Quân y (22 cơ sở).
- b) Bệnh viện Quân dân y (04 cơ sở).
- c) Viện nghiên cứu có giường bệnh (04 cơ sở).
- d) Phân viện (01 cơ sở).
- đ) Bệnh xá Quân y (342 cơ sở).
- e) Bệnh xá Quân dân y (32 cơ sở).
- g) Đội điều trị (02 cơ sở).
- h) Tàu vận tải kiêm quân y, tàu quân y (01 cơ sở).
- i) Trung tâm An điều dưỡng có giường bệnh (01 cơ sở).
- k) Trung tâm Y tế (02 cơ sở).

Danh sách cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản tại Phụ lục II kèm theo.

3. Cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu

Bệnh viện Quân y (05 cơ sở).

Danh sách cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu tại Phụ lục III kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Cục trưởng Cục Quân y, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Thứ trưởng Vũ Hải Sản (để b/c);
- Bộ Y tế;
- BTTM, TCCT, TCHC;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Các Cục: Quân lực/BTTM, Cán bộ, BHHX BQP/TCCT, Quân y/TCHC;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ thuộc Điều 1 Quyết định này;
- Lưu: VT, CQY. TA58.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC HẬU CẦN**



Trung tướng Trần Duy Giang

Phụ lục I
DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CẤP KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BAN ĐẦU

(Kèm theo Quyết định số 6375 /QĐ-BQP ngày 50/12/2024 của Bộ Quốc phòng)

1. Quân y đơn vị cấp tiểu đoàn độc lập; Quân y cơ quan, đơn vị cấp trung đoàn, sư đoàn và tương đương (trong biểu tổ chức biên chế của cấp có thẩm quyền ban hành; có cơ sở hạ tầng, nhân lực và thiết bị y tế, thuốc, vật tư y tế theo quy định).

2. Tổ Quân y

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	BỘ TỔNG THAM MUÙ	
1	Tổ Quân y có giường lưu Trung tâm Thể dục Thể thao Quân đội	
2	Tổ Quân y có giường lưu/Lữ đoàn 98/Cục Tác chiến Điện tử	
3	Tổ Quân y có giường lưu/Đoàn Nghi lễ Quân đội	
4	Tổ Quân y có giường lưu/Trại giam 771/Cục Điều tra Hình sự	
5	Tổ Quân y có giường lưu/Trại giam 974/Cục Điều tra Hình sự	
6	Tổ Quân y có giường lưu/Trung tâm Huấn luyện Quân sự Quốc gia 4	
7	Tổ Quân y có giường lưu/Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã	
8	Tổ Quân y có giường lưu/Lữ đoàn 96/Cục Tác chiến Điện tử	
9	Tổ Quân y có giường lưu/Trung tâm 95/Cục Tác chiến Điện tử	
	TỔNG CỤC KỸ THUẬT	
10	Tổ Quân y Kho KV1/Cục Quân khí	
11	Tổ Quân y Kho KV2/Cục Quân khí	
12	Tổ Quân y Kho KV3/Cục Quân khí	
13	Tổ Quân y Kho KV4/Cục Quân khí	
14	Tổ Quân y Kho K834/Cục Quân khí	
15	Tổ Quân y Kho K854/Cục Quân khí	
16	Tổ Quân y Kho K850/Cục Quân khí	
17	Tổ Quân y Kho K826/Cục Quân khí	
18	Tổ Quân y Kho K822/Cục Quân khí	
19	Tổ Quân y Kho K866/Cục Quân khí	
20	Tổ Quân y Kho K882/Cục Quân khí	
21	Tổ Quân y Kho K895/Cục Quân khí	
22	Tổ Quân y Kho K897/Cục Quân khí	
23	Tổ Quân y Kho K896/Cục Quân khí	
24	Tổ Quân y Kho K680/Cục Quân khí	
25	Tổ Quân y Kho K802/Cục Quân khí	
26	Tổ Quân y Kho K890/Cục Quân khí	
27	Tổ Quân y Kho K812/Cục Quân khí	
28	Tổ Quân y Kho K888/Cục Quân khí	
29	Tổ Quân y Kho K860/Cục Quân khí	
30	Tổ Quân y Kho K816/Cục Quân khí	

Ax

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
31	Tổ Quân y Kho K894/Cục Quân khí	
32	Tổ Quân y Kho K864/Cục Quân khí	
33	Tổ Quân y Kho K899/Cục Quân khí	
34	Tổ Quân y Kho J106/Cục Xe-Máy	
35	Tổ Quân y Nhà máy Z157/ Cục Xe-Máy	
36	Tổ Quân y Kho J112/Cục Xe-Máy	
37	Tổ Quân y Kho J250/Cục Xe-Máy	
38	Tổ Quân y Kho J102/Cục Xe-Máy	
39	Tổ Quân y Kho J258/Cục Xe-Máy	
40	Tổ Quân y Kho KT788/Cục Kỹ thuật Binh chủng	
41	Tổ Quân y Kho KT887/Cục Kỹ thuật Binh chủng	
42	Tổ Quân y Kho KT580/Cục Kỹ thuật Binh chủng	
43	Tổ Quân y Kho KT789/Cục Kỹ thuật Binh chủng	
44	Tổ Quân y Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quân sự 1	
	TỔNG CỤC II	
45	Tổ Quân y có giường lưu/Bộ Tham mưu	
46	Tổ Quân y có giường lưu Học viện Khoa học Quân sự	
47	Tổ Quân y có giường lưu Lữ đoàn K3	
48	Tổ Quân y có giường lưu Lữ đoàn 74	
49	Tổ Quân y có giường lưu Lữ đoàn 94	
	TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
50	Tổ Quân y/Cục Hậu cần	
51	Tổ Quân y có giường lưu Kho K602	
52	Tổ Quân y có giường lưu Kho K752	
	QUÂN KHU 1	
53	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Ninh	
54	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	
55	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
	QUÂN KHU 2	
56	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc	
57	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La	
58	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
	QUÂN KHU 3	
59	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương	
60	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Bình	
61	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
62	Tổ Quân y/Đoàn 295/Cục Chính trị	
	QUÂN KHU 4	
63	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An	
64	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
65	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
66	Tổ Quân y Đảo Mê/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa	
	QUẬN KHU 5	
67	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định	
68	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Khánh Hòa	
69	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự TP. Đà Nẵng	
70	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
	QUẬN KHU 7	
71	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương	
72	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	
73	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
74	Tổ Quân y Trung đoàn BB174/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh	
	QUẬN KHU 9	
75	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang	
76	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
77	Tổ Quân y/Lữ đoàn 659/Cục Hậu cần – Kỹ thuật	
	QUẬN CHỨNG HẢI QUÂN	
78	Tổ Quân y/Cơ quan Bộ Tư lệnh Hải quân	
79	Tổ Quân y Đoàn Đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển	
80	Tổ Quân y Viện Kỹ thuật Hải quân	
81	Tổ Quân y Hải đoàn 128	
82	Tổ Quân y Trung đoàn Radar 151	
83	Tổ Quân y Trung đoàn Radar 251	
84	Tổ Quân y Trung đoàn Radar 351	
85	Tổ Quân y Trung đoàn Radar 451	
86	Tổ Quân y Trung đoàn Radar 551	
87	Tổ Quân y Lữ đoàn 167	
88	Tổ Quân y Lữ đoàn 125	
89	Tổ Quân y Lữ đoàn 681	
90	Tổ Quân y Lữ đoàn 680	
91	Tổ Quân y Lữ đoàn 161	
92	Tổ Quân y Lữ đoàn 172	
93	Tổ Quân y Lữ đoàn 146	
94	Tổ Quân y Lữ đoàn 955	
95	Tổ Quân y Trung tâm Huấn luyện Vùng 2	
96	Tổ Quân y Trung tâm Huấn luyện Vùng 3	
97	Tổ Quân y Trung tâm Huấn luyện Vùng 4	
98	Tổ Quân y Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật Vùng 2	
99	Tổ Quân y Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật Vùng 3	
100	Tổ Quân y Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật 719	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
101	Tổ Quân y Trung tâm Thể dục Thể thao Quốc phòng 5	
102	Tổ Quân y Đoàn văn công	
103	Tổ Quân y Đoàn 22	
104	Tổ Quân y Công ty Hải Thành	
105	Tổ Quân y Phòng Hậu cần phía Nam/Bộ Tham mưu	
106	Tổ Quân y Kho 700	
107	Tổ Quân y Kho 711	
108	Tổ Quân y Lữ đoàn 171	
109	Tổ Quân y Lữ đoàn 957	
110	Tổ Quân y Lữ đoàn 162	
111	Tổ Quân y Lữ đoàn 685	
112	Tổ Quân y Lữ đoàn 127	
113	Tổ Quân y Lữ đoàn 679	
	QUÂN ĐOÀN 12	
114	Tổ Quân y 3 cơ quan Quân đoàn	
115	Tổ Quân y Trung đoàn Thông tin 140	
116	Tổ Quân y Trung đoàn Vận tải 752	
117	Tổ Quân y Cụm kho 569	
118	Tổ Quân y Trung đoàn 36/Sư đoàn 308	
119	Tổ Quân y Trung đoàn 58/Sư đoàn 308	
120	Tổ Quân y Trung đoàn 88/Sư đoàn 308	
121	Tổ Quân y Trung đoàn 27/Sư đoàn 390	
122	Tổ Quân y Trung đoàn 48/Sư đoàn 390	
123	Tổ Quân y Trung đoàn 64/Sư đoàn 390	
124	Tổ Quân y Trung đoàn 68/Sư đoàn 312	
	QUÂN ĐOÀN 34	
125	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
	BỘ TƯ LỆNH THỦ ĐỘ HÀ NỘI	
126	Tổ Quân y/Phòng Hậu cần/Bộ Tham mưu	
127	Tổ Quân y có giường lưu/Trường Quân sự Bộ Tư lệnh	
128	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Tham mưu/Sư đoàn 301	
129	Tổ Quân y có giường lưu/Trung đoàn 452	
	BỘ TƯ LỆNH 86	
130	Tổ Quân y cơ quan/Bộ Tham mưu	
131	Tổ Quân y Trung tâm 186	
132	Tổ Quân y Trung tâm 286	
133	Tổ Quân y Trung tâm 386	
134	Tổ Quân y Trung tâm 586	
	CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM	
135	Tổ Quân y/Bộ Tham mưu	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
136	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1	
137	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2	
138	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3	
139	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4	
	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG	
140	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Bộ Tư lệnh	
141	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Thường trực phía Nam	
142	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	
143	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Định	
144	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Phước	
145	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa	
146	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng TP. Hồ Chí Minh	
147	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang	
148	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Kon Tum	
149	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa	
150	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn	
151	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	
152	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Long An	
153	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình	
154	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình	
155	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La	
156	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bạc Liêu	
157	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Phú Yên	
158	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh	
159	Tổ Quân y có giường lưu Hải đoàn Biên phòng 18	
160	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Nông	
161	Tổ Quân y có giường lưu Hải đoàn Biên phòng 28	
162	Tổ Quân y có giường lưu Hải đoàn Biên phòng 38	
163	Tổ Quân y có giường lưu Hải đoàn Biên phòng 48	
164	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp	
165	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang	
166	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh	
167	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên	
168	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	
169	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình	
170	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	
171	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng	

A

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
172	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	
173	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu	
174	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng TP. Đà Nẵng	
175	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị	
176	Tổ Quân y có giường lưu Trường Cao Đẳng Biên phòng	
177	Tổ Quân y có giường lưu Trường Cao đẳng Biên phòng (Cơ sở 2)	
178	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
179	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk	
180	Tổ Quân y có giường lưu Học viện Biên phòng	
181	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Tiền Giang	
182	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Thừa Thiên Huế	
183	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận	
184	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh	
185	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng TP. Hải Phòng	
186	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam	
187	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Gia Lai	
188	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng	
189	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bến Tre	
190	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi	
191	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Thuận	
192	Tổ Quân y có giường lưu Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
	BINH CHỨNG CÔNG BINH	
193	Tổ Quân y/Ban Hành chính – Hậu cần/Bộ Tham mưu	
	BINH CHỨNG ĐẶC CÔNG	
194	Tổ Quân y có giường lưu/Phòng Hậu cần - Kỹ thuật/Trường Sĩ quan Đặc công	
195	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Bộ Tư lệnh	
	BINH CHỨNG HÓA HỌC	
196	Tổ Quân y có giường lưu/Bộ Tham mưu	
197	Tổ Quân y/Trường Sĩ quan Phòng hóa	
	BINH CHỨNG PHÁO BINH	
198	Tổ Quân y có giường lưu/Bộ Tham mưu	
	BINH CHỨNG TĂNG THIẾT GIÁP	
199	Tổ Quân y có giường lưu/Bộ Tham mưu	
	BINH CHỨNG THÔNG TIN LIÊN LẠC	
200	Tổ Quân y có giường lưu/Trường Sĩ quan Thông tin	
201	Tổ Quân y có giường lưu/Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin	
202	Tổ Quân y có giường lưu/Ban Hành chính – Hậu cần/Văn phòng	
	BINH ĐOÀN 11	
203	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Binh đoàn	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	BINH ĐOÀN 12	
204	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Binh đoàn	
	BINH ĐOÀN 16	
205	Tổ Quân y có giường lưu /Trung đoàn 728	
206	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Binh đoàn	
	BINH ĐOÀN 18	
207	Tổ Quân y có giường lưu/Cơ quan Binh đoàn	
208	Tổ Quân y/Công ty Trục thăng Miền Nam	
209	Tổ Quân y/Công ty Trục thăng Miền Bắc	
	BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ	
210	Tổ Quân y/Học viện Kỹ thuật Mật mã	
	HỌC VIỆN LỤC QUÂN	
211	Tổ Quân y cơ quan/Học viện Lục quân	
	SĨ QUAN LỤC QUÂN 1	
212	Tổ Quân y cơ quan/Trường Sĩ quan Lục quân 1	

3. Phòng khám đa khoa của cơ quan, đơn vị

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHUNG HẢI QUÂN	
1	Phòng khám đa khoa/Trung tâm An điều dưỡng Tàu ngầm	

4. Phòng khám Quân dân y

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN KHU 5	
1	Phòng khám Quân dân y Tân Hiệp (Cù Lao Chàm)	
	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG	
2	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Tam Quan Nam	
3	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Mỹ An	
4	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Nhơn Lý	
5	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Nhơn Châu	
6	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Lộc Tấn	
7	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Lộc An	
8	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Hoàng Diệu	
9	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Phước Thiện	
10	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Bù Gia Mập	
11	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Long Hòa	
12	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Trường Long Hòa	
13	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Long Vĩnh	
14	Phòng khám Quân dân y Thoong Pẹ	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
15	Phòng khám Quân dân y Phú Gia	
16	Phòng khám Quân dân y Rào Tre	
17	Phòng khám Quân dân y Kỳ Khang	
18	Phòng khám Quân dân y Thạch Trị	
19	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Trà Lý	
20	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Cửa Lân	
21	Phòng khám Quân dân y Bến Cầu	
22	Phòng khám Quân dân y Tân Định	
23	Phòng khám Quân dân y Tâm Phô	
24	Phòng khám Quân dân y Long Trung	
25	Phòng khám Quân dân y Bản Búng	
26	Phòng khám Quân dân y Huồi Sơn	
27	Phòng khám Quân dân y Phà Lỡm	
28	Phòng khám Quân dân y Huồi Bắc	
29	Phòng khám Quân dân y Mân Thái	
30	Phòng khám Quân dân y Thuận Phước	
31	Phòng khám Quân dân y Hòa Hiệp Bắc	
32	Phòng khám Quân dân y Cù Bai Đồn Biên phòng Hương Lập	
33	Phòng khám Quân dân y Thuận Đồn Biên phòng Thuận	
34	Phòng khám Quân dân y Pa Lọ Đồn Biên phòng Thanh	
35	Phòng khám Quân dân y Sa Trầm Đồn Biên phòng Ba Nang	
36	Phòng khám Quân dân y Tà Mên Đồn Biên phòng Ba Nang	
37	Phòng khám Quân dân y Pa Lin Đồn Biên phòng A Vao	
38	Phòng khám Quân dân y A Ngo Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế La Lay	
39	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Phú Tân	
40	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Ia O	
41	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	
42	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Ia Púch	
43	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Ia Mơ	
44	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Ia Lốp	
45	Phòng khám Quân dân y Đồn Biên phòng Đàm Thủy	

5. Trạm Y tế Quân dân y

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG	
1	Trạm Y tế Quân dân y Bản Bãi Dinh	
2	Trạm Y tế Quân dân y Bản Ra Mai	
3	Trạm Y tế Quân dân y Bản Làng Ho	
4	Trạm Y tế Quân dân y Bản 61	

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
5	Trạm Y tế Quân dân y Xã Ia Rvê	
6	Trạm Y tế Quân dân y Buôn Đrăng Phók	
7	Trạm Y tế Quân dân y A Pa Chải	
8	Trạm Y tế Quân dân y Co Đũa	
9	Trạm Y tế Quân dân y Vàng Đán	
10	Trạm Y tế Quân dân y Xã Vĩnh Xương	
11	Trạm Y tế Quân dân y Thị trấn Long Bình	
12	Trạm Y tế Quân dân y Xã Vĩnh Gia	
13	Trạm Y tế Quân dân y Xã Lai Hòa	
14	Trạm Y tế Quân dân y Xã Vĩnh Hải	
15	Trạm Y tế Quân dân y Nhâm	
16	Trạm Y tế Quân dân y A Đót	
17	Trạm Y tế Quân dân y Bình Châu	
18	Trạm Y tế Quân dân y hữu nghị Việt - Lào	
19	Trạm Y tế Quân dân y Mường Lống	
20	Trạm Y tế Quân dân y Xã Ia Lốp	
21	Trạm Y tế Quân dân y Hồng Thái	
22	Trạm Y tế Quân dân y Đông Sơn	
23	Trạm Y tế Quân dân y Hồng Vân	

A

Phụ lục II
DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CẤP KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số 6575/QĐ-BQP ngày 30/12/2024 của Bộ Quốc phòng)

1. Bệnh viện Quân y

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
1	Bệnh viện Quân y 105	Tổng cục Hậu cần
2	Bệnh viện Quân y 354	Tổng cục Hậu cần
3	Bệnh viện Quân y 87	Tổng cục Hậu cần
4	Bệnh viện Quân y 110	Quân khu 1
5	Bệnh viện Quân y 91	Quân khu 1
6	Bệnh viện Quân y 109	Quân khu 2
7	Bệnh viện Quân y 6	Quân khu 2
8	Bệnh viện Quân y 7	Quân khu 3
9	Bệnh viện Quân y 4	Quân khu 4
10	Bệnh viện Quân y 268	Quân khu 4
11	Bệnh viện Quân y 17	Quân khu 5
12	Bệnh viện Quân y 13	Quân khu 5
13	Bệnh viện Quân y 7A	Quân khu 7
14	Bệnh viện Quân y 7B	Quân khu 7
15	Bệnh viện Quân dân y Miền Đông	Quân khu 7
16	Bệnh viện Quân y 4	Quân khu 7
17	Bệnh viện Quân y 121	Quân khu 9
18	Bệnh viện Quân y 120	Quân khu 9
19	Bệnh viện Quân y 5	Quân đoàn 12
20	Bệnh viện Quân y 211	Quân đoàn 34
21	Bệnh viện Quân y 15	Binh đoàn 15
22	Bệnh viện Quân dân y 16	Binh đoàn 16

2. Bệnh viện Quân dân y

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN KHU 9	
1	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Sóc Trăng	
2	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Cà Mau	
3	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Bạc Liêu	
4	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Đồng Tháp	



3. Viện nghiên cứu có giường bệnh

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
1	Viện Y học Phóng xạ và U bướu Quân đội	Cục Quân y
2	Viện Y học Phòng không - Không quân	Quân chủng PK - KQ
3	Viện Y học Hải quân	Quân chủng Hải quân
4	Viện Mô phôi lâm sàng Quân đội	Học viện Quân y

4. Phân viện

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
1	Phân viện Y học cổ truyền Quân đội phía Nam	

5. Bệnh xá Quân y

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	BỘ TỔNG THAM MUÙ	
1	Bệnh xá Cơ quan Bộ Quốc phòng	
2	Bệnh xá Lữ đoàn 84/Cục Tác chiến Điện tử	
3	Bệnh xá Lữ đoàn 87/Cục Tác chiến Điện tử	
4	Bệnh xá Lữ đoàn 144	
	TỔNG CỤC KỸ THUẬT	
5	Bệnh xá Xí nghiệp liên hợp Z751	
6	Bệnh xá Trung tâm Huấn luyện 334	
7	Bệnh xá Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự	
8	Bệnh xá Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung	
	TỔNG CỤC II	
9	Bệnh xá Tổng cục	
10	Bệnh xá Trường Cao đẳng Trinh sát	
11	Bệnh xá Cục 12	
	TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
12	Bệnh xá Nhà máy Z111	
13	Bệnh xá Nhà máy Z113	
14	Bệnh xá Nhà máy Z114	
15	Bệnh xá Nhà máy Z115	
16	Bệnh xá Nhà máy Z117	
17	Bệnh xá Nhà máy Z121	
18	Bệnh xá Nhà máy Z125	
19	Bệnh xá Nhà máy Z127	
20	Bệnh xá Nhà máy Z129	
21	Bệnh xá Nhà máy Z131	
22	Bệnh xá Nhà máy Z143	
23	Bệnh xá Nhà máy Z175	
24	Bệnh xá Nhà máy Z176	
25	Bệnh xá Nhà máy Z183	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
26	Bệnh xá Nhà máy Z195	
27	Bệnh xá Nhà máy Z199	
28	Bệnh xá Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng	
	QUÂN KHU 1	
29	Bệnh xá Sư đoàn BB3	
30	Bệnh xá Sư đoàn BB346	
31	Bệnh xá Sư đoàn BB306	
32	Bệnh xá Trung đoàn 2/Sư đoàn BB3	
33	Bệnh xá Trung đoàn 141/Sư đoàn BB3	
34	Bệnh xá Trung đoàn 12/Sư đoàn BB3	
35	Bệnh xá Trung đoàn 246/Sư đoàn BB346	
36	Bệnh xá Lữ đoàn PB 382	
37	Bệnh xá Lữ đoàn PK 210	
38	Bệnh xá Lữ đoàn CB 575	
39	Bệnh xá Lữ đoàn TT 601	
40	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 409	
41	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng	
42	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn	
43	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn	
44	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang	
45	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 1	
46	Bệnh xá Trường bắn Quốc gia Khu vực 1	
47	Bệnh xá 43/Cục Hậu cần – Kỹ thuật	
	QUÂN KHU 2	
48	Bệnh xá Sư đoàn 316	
49	Bệnh xá Sư đoàn 355	
50	Bệnh xá Sư đoàn 304	
51	Bệnh xá Trung đoàn 148/Sư đoàn 316	
52	Bệnh xá Trung đoàn 174/Sư đoàn 316	
53	Bệnh xá Trung đoàn 98/Sư đoàn 316	
54	Bệnh xá Trung đoàn 82/Sư đoàn 355	
55	Bệnh xá Lữ đoàn PB 168	
56	Bệnh xá Lữ đoàn PK 297	
57	Bệnh xá Lữ đoàn CB 543	
58	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 406	
59	Bệnh xá Lữ đoàn TT 604	
60	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên	
61	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	
62	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai	
63	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
64	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tuyên Quang	
65	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ	
66	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	
67	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 2	
68	Bệnh xá Kho K28/Cục Hậu cần - Kỹ thuật	
	QUÂN KHU 3	
69	Bệnh xá Sư đoàn 395	
70	Bệnh xá Sư đoàn 350	
71	Bệnh xá Trung đoàn 2/Sư đoàn 395	
72	Bệnh xá Trung đoàn 8/Sư đoàn 395	
73	Bệnh xá Trung đoàn 43/Sư đoàn 395	
74	Bệnh xá Lữ đoàn 242	
75	Bệnh xá Lữ đoàn 214	
76	Bệnh xá Lữ đoàn 454	
77	Bệnh xá Lữ đoàn 513	
78	Bệnh xá Lữ đoàn 405	
79	Bệnh xá Lữ đoàn 603	
80	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 327	
81	Bệnh xá Lâm trường 42/Đoàn Kinh tế Quốc phòng 327	
82	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh	
83	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên	
84	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình	
85	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	
86	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam	
87	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hoà Bình	
88	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 3	
89	Bệnh xá Kho K22	
	QUÂN KHU 4	
90	Bệnh xá Sư đoàn BB324	
91	Bệnh xá Sư đoàn BB968	
92	Bệnh xá Sư đoàn KTT341	
93	Bệnh xá Trung đoàn 335/Sư đoàn BB324	
94	Bệnh xá Trung đoàn 3/Sư đoàn BB324	
95	Bệnh xá Trung đoàn 1/Sư đoàn BB324	
96	Bệnh xá Trung đoàn 19/Sư đoàn BB968	
97	Bệnh xá Lữ đoàn PB 16	
98	Bệnh xá Lữ đoàn CB 414	
99	Bệnh xá Lữ đoàn PK 283	
100	Bệnh xá Lữ đoàn TT 80	
101	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 206	

A

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
102	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hoá	
103	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh	
104	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình	
105	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị	
106	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 4	
107	Bệnh xá Tổng Công ty 85	
108	Bệnh xá Kho K2/Cục Hậu cần - Kỹ thuật	
109	Bệnh xá Kho K3/Cục Hậu cần - Kỹ thuật	
	QUÂN KHU 5	
110	Bệnh xá Sư đoàn BB2	
111	Bệnh xá Sư đoàn BB315	
112	Bệnh xá Sư đoàn KTT307	
113	Bệnh xá Sư đoàn KTT305	
114	Bệnh xá Trung đoàn 1/Sư đoàn BB2	
115	Bệnh xá Trung đoàn 38/Sư đoàn BB2	
116	Bệnh xá Trung đoàn 95/Sư đoàn BB2	
117	Bệnh xá Trung đoàn 143/Sư đoàn BB315	
118	Bệnh xá Lữ đoàn 655	
119	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 574	
120	Bệnh xá Lữ đoàn TT 575	
121	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 206	
122	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737	
123	Bệnh xá Lữ đoàn PB 368	
124	Bệnh xá Lữ đoàn CB 270	
125	Bệnh xá Lữ đoàn 280	
126	Bệnh xá Lữ đoàn PB 572	
127	Bệnh xá Lữ đoàn PK 573	
128	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam	
129	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi	
130	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên	
131	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	
132	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai	
133	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk	
134	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông	
135	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 5	
136	Bệnh xá Trường bắn Quốc gia 2	
	QUÂN KHU 7	
137	Bệnh xá Sư đoàn BB5	
138	Bệnh xá Trung đoàn 4/Sư đoàn BB5	
139	Bệnh xá Trung đoàn 5/Sư đoàn BB5	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
140	Bệnh xá Trung đoàn 271/Sư đoàn BB5	
141	Bệnh xá Sư đoàn BB302	
142	Bệnh xá Trung đoàn 88/Sư đoàn BB302	
143	Bệnh xá Lữ đoàn TT 23	
144	Bệnh xá Lữ đoàn CB 25	
145	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 26	
146	Bệnh xá Lữ đoàn PB 75	
147	Bệnh xá Lữ đoàn PK 77	
148	Bệnh xá Trung đoàn Gia Định/Bộ Tư lệnh TP. Hồ Chí Minh	
149	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Long An	
150	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	
151	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận	
152	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
153	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 7	
154	Bệnh xá Trường bắn Quốc gia Khu vực 3	
155	Bệnh xá Sư đoàn BB309	
156	Bệnh xá Sư đoàn BB7	
157	Bệnh xá Trung đoàn 31/Sư đoàn BB309	
	QUÂN KHU 9	
158	Bệnh xá Sư đoàn 330	
159	Bệnh xá Sư đoàn 8	
160	Bệnh xá Trung đoàn 1/Sư đoàn 330	
161	Bệnh xá Trung đoàn 3/Sư đoàn 330	
162	Bệnh xá Trung đoàn 20/Sư đoàn 330	
163	Bệnh xá Sư đoàn 4	
164	Bệnh xá Trung đoàn 9/Sư đoàn 8	
165	Bệnh xá Lữ đoàn 29	
166	Bệnh xá Lữ đoàn 416	
167	Bệnh xá Lữ đoàn 962	
168	Bệnh xá Lữ đoàn 6	
169	Bệnh xá Lữ đoàn 25	
170	Bệnh xá Lữ đoàn 226	
171	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre	
172	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang	
173	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang	
174	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hậu Giang	
175	Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Long	
176	Bệnh xá Trung đoàn BB892/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang	
177	Bệnh xá Trường Quân sự Quân khu 9	

A

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN	
178	Bệnh xá Sư đoàn 361	
179	Bệnh xá Sư đoàn 363	
180	Bệnh xá Sư đoàn 365	
181	Bệnh xá Sư đoàn 367	
182	Bệnh xá Sư đoàn 375	
183	Bệnh xá Sư đoàn 377	
184	Bệnh xá Sư đoàn 370	
185	Bệnh xá Sư đoàn 371	
186	Bệnh xá Sư đoàn 372	
187	Bệnh xá Trung đoàn 236/Sư đoàn 361	
188	Bệnh xá Trung đoàn 250/Sư đoàn 361	
189	Bệnh xá Trung đoàn 257/Sư đoàn 361	
190	Bệnh xá Trung đoàn 280/Sư đoàn 361	
191	Bệnh xá Trung đoàn 218/Sư đoàn 361	
192	Bệnh xá Trung đoàn 64/Sư đoàn 361	
193	Bệnh xá Trung đoàn 238/Sư đoàn 363	
194	Bệnh xá Trung đoàn 213/Sư đoàn 363	
195	Bệnh xá Trung đoàn 284/Sư đoàn 365	
196	Bệnh xá Trung đoàn 228/Sư đoàn 365	
197	Bệnh xá Trung đoàn 263/Sư đoàn 367	
198	Bệnh xá Trung đoàn 261/Sư đoàn 367	
199	Bệnh xá Trung đoàn 276/ Sư đoàn 367	
200	Bệnh xá Trung đoàn 93/Sư đoàn 367	
201	Bệnh xá Trung đoàn 230/Sư đoàn 367	
202	Bệnh xá Trung đoàn 224/Sư đoàn 375	
203	Bệnh xá Trung đoàn 282/Sư đoàn 375	
204	Bệnh xá Trung đoàn 274/Sư đoàn 377	
205	Bệnh xá Trung đoàn 591/Sư đoàn 377	
206	Bệnh xá Trung đoàn 935/Sư đoàn 370	
207	Bệnh xá Trung đoàn 937/Sư đoàn 370	
208	Bệnh xá Trung đoàn 917/Sư đoàn 370	
209	Bệnh xá Trung đoàn 916/Sư đoàn 371	
210	Bệnh xá Tiểu đoàn căn cứ sân bay Kiến An - Cát Bi	
211	Bệnh xá Trung đoàn 927/Sư đoàn 371	
212	Bệnh xá Trung đoàn 921/Sư đoàn 371	
213	Bệnh xá Trung đoàn 923/Sư đoàn 371	
214	Bệnh xá Trung đoàn 925/Sư đoàn 372	
215	Bệnh xá Trung đoàn 929/Sư đoàn 372	
216	Bệnh xá Lữ đoàn 26	

A

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
217	Bệnh xá Lữ đoàn 28	
218	Bệnh xá Lữ đoàn 918	
219	Bệnh xá Trung đoàn 910/Trường Sĩ quan Không quân	
220	Bệnh xá Trung đoàn 920/Trường Sĩ quan Không quân	
221	Bệnh xá Trường Sĩ quan Không quân	
222	Bệnh xá Học viện Phòng không - Không quân	
223	Bệnh xá Nhà máy A31	
224	Bệnh xá Trường Cao đẳng kỹ thuật Phòng không - Không quân	
	QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN	
225	Bệnh xá Bộ Tư lệnh Vùng 1	
226	Bệnh xá Lữ đoàn 147/Vùng 1 Hải quân	
227	Bệnh xá Lữ đoàn 169/Vùng 1 Hải quân	
228	Bệnh xá Lữ đoàn 170/Vùng 1 Hải quân	
229	Bệnh xá Bộ Tư lệnh Vùng 2	
230	Bệnh xá Chi đội Kiểm ngư 2/Vùng 2 Hải quân	
231	Bệnh xá Bộ Tư lệnh Vùng 3	
232	Bệnh xá Chi đội Kiểm ngư 3/Vùng 3 Hải quân	
233	Bệnh xá Lữ đoàn 101/Vùng 4 Hải quân	
234	Bệnh xá Lữ đoàn 682/Vùng 4 Hải quân	
235	Bệnh xá Chi đội Kiểm ngư 4/ Vùng 4 Hải quân	
236	Bệnh xá Lữ đoàn 175/Vùng 5 Hải quân	
237	Bệnh xá Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật – Hậu cần Vùng 5 Hải quân	
238	Bệnh xá Lữ đoàn 83 Hải quân	
239	Bệnh xá Lữ đoàn 126 Hải quân	
240	Bệnh xá Lữ đoàn 131 Hải quân	
241	Bệnh xá Lữ đoàn 189 Hải quân	
242	Bệnh xá Trung đoàn 196 Hải quân	
243	Bệnh xá Lữ đoàn 602 Hải quân	
244	Bệnh xá Lữ đoàn 954 Hải quân	
245	Bệnh xá Trung tâm 47/Bộ tham mưu	
246	Bệnh xá Học viện Hải quân	
247	Bệnh xá Hải đoàn 129 Hải quân	
248	Bệnh xá Đảo Trường Sa	
249	Bệnh xá Đảo Nam Yết	
250	Bệnh xá Đảo Song Tử Tây	
251	Bệnh xá Đảo Sinh Tồn	
252	Bệnh xá Đảo Sơn Ca	
253	Bệnh xá Đảo Phan Vinh A	
254	Bệnh xá Đảo An Bang	
255	Bệnh xá Đảo Sinh Tồn Đông	

A

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
256	Bệnh xá Đảo Trường Sa Đông	
257	Bệnh xá Đảo Đá Tây A	
258	Bệnh xá Đảo Tiên Nữ	
259	Bệnh xá Đảo Thuyền Chài D	
260	Bệnh xá Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân	
261	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng Trường Sa	
	QUÂN ĐOÀN 12	
262	Bệnh xá Sư đoàn BB312	
263	Bệnh xá Sư đoàn BB308	
264	Bệnh xá Sư đoàn KTT390	
265	Bệnh xá Trung đoàn 141/Sư đoàn BB312	
266	Bệnh xá Trung đoàn 165/Sư đoàn BB312	
267	Bệnh xá Trung đoàn 209/Sư đoàn BB312	
268	Bệnh xá Trung đoàn 102/Sư đoàn BB308	
269	Bệnh xá Lữ đoàn PB 368	
270	Bệnh xá Lữ đoàn PK 241	
271	Bệnh xá Lữ đoàn CB 299	
272	Bệnh xá Trường Quân sự Quân đoàn 12	
273	Bệnh xá Sư đoàn BB325	
274	Bệnh xá Trung đoàn 18/Sư đoàn BB325	
275	Bệnh xá Trung đoàn 95/Sư đoàn BB325	
276	Bệnh xá Trung đoàn 101/Sư đoàn BB325	
277	Bệnh xá Lữ đoàn PB 164	
278	Bệnh xá Lữ đoàn PK 673	
279	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 203	
	QUÂN ĐOÀN 34	
280	Bệnh xá Sư đoàn BB10	
281	Bệnh xá Sư đoàn BBCG320	
282	Bệnh xá Sư đoàn 31	
283	Bệnh xá Trung đoàn 24/Sư đoàn BB10	
284	Bệnh xá Trung đoàn 28/Sư đoàn BB10	
285	Bệnh xá Trung đoàn 66/Sư đoàn BB10	
286	Bệnh xá Trung đoàn PB 4/Sư đoàn BB10	
287	Bệnh xá Trung đoàn 48/Sư đoàn BBCG320	
288	Bệnh xá Lữ đoàn CB 7	
289	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 273	
290	Bệnh xá Lữ đoàn PB 40	
291	Bệnh xá Lữ đoàn PK 234	
292	Bệnh xá Trường Quân sự Quân đoàn 34	
293	Bệnh xá Sư đoàn BB9	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
294	Bệnh xá Trung đoàn 1/Sư đoàn BB9	
295	Bệnh xá Trung đoàn 2/Sư đoàn BB9	
296	Bệnh xá Trung đoàn 3/Sư đoàn BB9	
297	Bệnh xá Lữ đoàn PK 71	
298	Bệnh xá Lữ đoàn PB 434	
	BỘ TƯ LỆNH THỦ ĐÔ HÀ NỘI	
299	Bệnh xá Sư đoàn BB301	
300	Bệnh xá Trung đoàn 692/Sư đoàn BB301	
	BỘ TƯ LỆNH BẢO VỆ LĂNG	
301	Bệnh xá Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
	BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG	
302	Bệnh xá Trung tâm Huấn luyện Bộ đội Biên phòng	
	BINH CHỨNG CÔNG BINH	
303	Bệnh xá Lữ đoàn 293	
304	Bệnh xá Lữ đoàn 72	
305	Bệnh xá Lữ đoàn 229	
306	Bệnh xá Lữ đoàn 239	
307	Bệnh xá Lữ đoàn 249	
308	Bệnh xá Lữ đoàn 279	
309	Bệnh xá Trường Sĩ quan Công binh	
310	Bệnh xá Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh	
	BINH CHỨNG ĐẶC CÔNG	
311	Bệnh xá Lữ đoàn 429	
312	Bệnh xá Lữ đoàn 198	
313	Bệnh xá Lữ đoàn 5 (Đặc công nước)	
314	Bệnh xá Lữ đoàn 113	
315	Bệnh xá Lữ đoàn 1	
	BINH CHỨNG HÓA HỌC	
316	Bệnh xá Lữ đoàn 86	
317	Bệnh xá Lữ đoàn 87	
318	Bệnh xá Lữ đoàn 88	
	BINH CHỨNG PHÁO BINH	
319	Bệnh xá Lữ đoàn 45	
320	Bệnh xá Lữ đoàn 675	
321	Bệnh xá Lữ đoàn 490	
322	Bệnh xá Lữ đoàn 204	
323	Bệnh xá Lữ đoàn 96	
324	Bệnh xá Trường Sĩ quan Pháo binh	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	BINH CHŨNG TĂNG THIẾT GIÁP	
325	Bệnh xá Lữ đoàn 201	
326	Bệnh xá Lữ đoàn 215	
327	Bệnh xá Lữ đoàn TTG 202	
328	Bệnh xá Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp	
329	Bệnh xá Trường Trung cấp kỹ thuật Tăng Thiết giáp	
330	Bệnh xá Phân hiệu miền Nam/Trường Trung cấp kỹ thuật Tăng Thiết giáp	
331	Bệnh xá Lữ đoàn 22	
	BINH CHŨNG THÔNG TIN LIÊN LẠC	
332	Bệnh xá Lữ đoàn 139	
	BINH ĐOÀN 15	
333	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 385	
	BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ	
334	Bệnh xá Ban Cơ yếu Chính phủ	
	HỌC VIỆN QUỐC PHÒNG	
335	Bệnh xá Học viện Quốc phòng	
	HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ	
336	Bệnh xá Học viện Chính trị	
	HỌC VIỆN LỤC QUÂN	
337	Bệnh xá Học viện Lục quân	
	HỌC VIỆN HẬU CẦN	
338	Bệnh xá Học viện Hậu cần	
	HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ	
339	Bệnh xá Học viện Kỹ thuật Quân sự	
	TRƯỜNG SĨ QUAN CHÍNH TRỊ	
340	Bệnh xá Trường Sĩ quan Chính trị	
	TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 1	
341	Bệnh xá Trường Sĩ quan Lục quân 1	
	TRƯỜNG QUAN LỤC QUÂN 2	
342	Bệnh xá Trường Sĩ quan Lục quân 2	

6. Bệnh xá Quân dân y

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN KHU 1	
1	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 338	
2	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 799	
	QUÂN KHU 2	
3	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 326	

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
4	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 345	
5	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 356	
6	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 379	
7	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 313	
	QUÂN KHU 3	
8	Bệnh xá Quân dân y Lâm trường 42	
	QUÂN KHU 4	
9	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 337	
10	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 4	
11	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 5	
12	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 92	
	QUÂN KHU 5	
13	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 207	
14	Bệnh xá Quân dân y Công ty cà phê 15	
	QUÂN KHU 7	
15	Bệnh xá Đoàn Kinh tế Quốc phòng 778	
	QUÂN KHU 9	
16	Bệnh xá Lữ đoàn 950	
17	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 152	
	BINH ĐOÀN 15	
18	Bệnh xá Quân dân y Công ty 72	
19	Bệnh xá Quân dân y Công ty 74	
20	Bệnh xá Quân dân y Công ty 75	
21	Bệnh xá Quân dân y Khu vực Ia Grai/Công ty 715	
22	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 710	
23	Bệnh xá Quân dân y Công ty Bình Dương	
24	Bệnh xá Quân dân y Khu vực Mô Rai	
25	Bệnh xá Quân dân y Đoàn Kinh tế Quốc phòng 79	
26	Bệnh xá Quân dân y Công ty 732	
27	Bệnh xá Quân dân y Chi nhánh 716	
	BINH ĐOÀN 16	
28	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 717	
29	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 719	
30	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 720	
31	Bệnh xá Quân dân y Trung đoàn 726	
	TỔNG CỤC KỸ THUẬT	
32	Bệnh xá Quân dân y/Kho K856/Cục Quân khí	

7. Đội điều trị

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN	
1	Đội điều trị 486/Vùng 4 Hải quân	
2	Đội điều trị 78/Vùng 5 Hải quân	

8. Tàu vận tải kiêm quân y, tàu quân y

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN	
1	Tàu 561/Vùng 4 Hải quân	

9. Trung tâm An điều dưỡng có giường bệnh

TT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN	
1	Trung tâm An điều dưỡng Tàu ngầm	

10. Trung tâm Y tế

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
	QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN	
1	Trung tâm Y tế Tân Cảng	
	QUÂN KHU 5	
2	Trung tâm Y tế Quân dân y Ninh Thuận	

A

Phụ lục III
DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CẤP KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHUYÊN SÂU
(Kèm theo Quyết định số 6575/QĐ-BQP ngày 50/12/2024 của Bộ Quốc phòng)

STT	Tên cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Ghi chú
1	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108/Bộ Quốc phòng	Kỹ thuật cao
2	Bệnh viện Quân y 175/Bộ Quốc phòng	Kỹ thuật cao
3	Viện Y học cổ truyền Quân đội/Bộ Quốc phòng	
4	Bệnh viện Quân y 103/Học viện Quân y	
5	Bệnh viện Bông Quốc gia Lê Hữu Trác/Học viện Quân y	Kỹ thuật cao

A

DANH SÁCH NƠI NHẬN

Quyết định số 6375/QĐ-BQP ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

TT	Nơi nhận	Ghi chú
1	Đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	
2	Đồng chí Thứ trưởng Vũ Hải Sản	
3	Bộ Y tế	
4	Bộ Tổng Tham mưu	
5	Tổng cục Chính trị	
6	Tổng cục Hậu cần	
7	Vụ pháp chế Bộ Quốc phòng	
8	Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu	
9	Cục Cán bộ/ Tổng cục Chính trị	
10	Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng/Tổng cục Chính trị	
11	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần	
12	Tổng cục Chính trị	
13	Tổng cục Hậu cần	
14	Tổng cục Kỹ thuật	
15	Tổng cục II	
16	Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	
17	Quân khu 1	
18	Quân khu 2	
19	Quân khu 3	
20	Quân khu 4	
21	Quân khu 5	
22	Quân khu 7	
23	Quân khu 9	
24	Quân chủng Hải quân	
25	Quân chủng Phòng không - Không quân	
26	Quân đoàn 12	
27	Quân đoàn 34	
28	BTL Thủ đô Hà Nội	
29	BTL 86	
30	BLT Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
31	Cảnh sát Biên Việt Nam	
32	Bộ đội Biên phòng	
33	Binh chủng Công binh	
34	Binh chủng Đặc công	
35	Binh chủng Hóa học	
36	Binh chủng Pháo binh	
37	Binh chủng Tăng thiết giáp	

TT	Nơi nhận	Ghi chú
38	Bình chủng Thông tin liên lạc	
39	Bình đoàn 11	
40	Bình đoàn 12	
41	Bình đoàn 15	
42	Bình đoàn 16	
43	Bình đoàn 18	
44	Ban cơ yếu Chính phủ	
45	Học viện Quốc phòng	
46	Học viện Chính trị	
47	Học viện Lục quân	
48	Học viện Hậu cần	
49	Học viện Kỹ thuật Quân sự	
50	Học viện Quân y	
51	Sĩ quan Chính trị	
52	Sĩ quan Lục quân 1	
53	Sĩ quan Lục quân 2	
54	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	
55	Bệnh viện Quân y 175	
56	Viện Y học cổ truyền Quân đội	